

Số: /BC - CTK

Vĩnh Phúc, ngày tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc
tháng 04 năm 2023

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Sản xuất nông nghiệp

a. Trồng trọt

Tháng 4/2023, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh diễn ra trong điều kiện thời tiết thuận lợi. Tính đến ngày 15/4/2023, toàn bộ diện tích vụ Xuân đã được gieo trồng đảm bảo khung thời vụ tốt nhất, tổng diện tích gieo trồng toàn tỉnh ước đạt 37.413,41 ha, đạt 98,46% kế hoạch và giảm 1,45% (-550,14 ha) so với cùng kỳ. Diện tích gieo trồng giảm ở tất cả các cây trồng chính, nguyên nhân do xu hướng chuyển dịch lao động từ hoạt động trồng trọt sang ngành nghề khác có thu nhập cao hơn nên phần diện tích đất bị bỏ trống, không được gieo trồng có xu hướng tăng; một số diện tích trồng trọt được chuyển mục đích sử dụng để xây dựng các công trình đường giao thông, khu đô thị,...

Diện tích một số cây hàng năm vụ Xuân 2023					
29.030,09ha	1.943,5 ha	212,91 ha	83,04 ha	1.412,91 ha	2.541,46ha
					
Lúa	Ngô	Khoai lang	Đậu tương	Lạc	Rau các loại
▼1,07% (-312,74 ha)	▼6,66% (-138,73 ha)	▼10,51% (-25,01 ha)	▼6,59% (-5,86 ha)	▼1,35% (-19,28 ha)	▼2,42% (-62,94 ha)

Hiện nay, các loại cây trồng đang trong thời kỳ sinh trưởng và phát triển mạnh, riêng cây lúa - cây trồng chính của vụ Xuân đang ở giai đoạn cuối đẻ nhánh - làm đòng, một số diện tích lúa đã trổ bông, bà con nông dân tập trung chủ yếu vào chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho lúa và rau màu.

b. Chăn nuôi

Tháng 4/2023, công tác kiểm tra, giám sát tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm đến thôn, xóm, hộ chăn nuôi cũng được thực hiện chặt chẽ; Công tác tuyên truyền và hướng dẫn người chăn nuôi áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, phòng chống dịch bệnh được tiếp tục thực hiện. Số lượng đàn gia súc, gia cầm ước tính đến cuối tháng: đàn trâu có 16,6 nghìn con, giảm 4,05% so cùng thời điểm năm trước; đàn bò có 94 nghìn con, giảm 3,14%; đàn lợn 458 nghìn con, tăng 1,1%; đàn gia cầm 11.950 nghìn con, tăng 0,59%. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 10.207 tấn, tăng 2,74% so với cùng kỳ.

Tính chung 4 tháng đầu năm: Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 46.691 tấn, tăng 2,94%; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng ước đạt 29.643 tấn, tăng 3,07%; thịt gia cầm hơi xuất chuồng ước đạt 14.820 tấn, tăng 3,8%; sản lượng sữa bò tươi ước đạt 20.500 tấn, tăng 6,22%; trứng gia cầm ước đạt 253,7 triệu quả, tăng 7,42% so với cùng kỳ.

1.2. Sản xuất lâm nghiệp

Diện tích rừng trồng mới tập trung trong tháng ước đạt 187,8 ha, giảm 8,39% so với cùng kỳ; sản lượng gỗ khai thác đạt 3.886,9 m³, tăng 5,70%; sản lượng củi ước đạt 2.356 ste, tăng 0,09%; tổng số lượng cây trồng phân tán đạt 91,0 nghìn cây, giảm 14,74%.

Công tác bảo vệ và phòng chống cháy rừng nhìn chung được thực hiện tốt. Trong tháng, trên địa bàn tỉnh không có vụ cháy rừng nào xảy ra.

Tính chung 4 tháng, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 331,4 ha, tăng 5,54% so với cùng kỳ; sản lượng gỗ khai thác đạt 14.963,1 m³, tăng 3,74% so với cùng kỳ; sản lượng củi ước đạt 9.843ste, tăng 1,09%; tổng số lượng cây trồng phân tán đạt 389,6 nghìn cây, giảm 11,92% so với cùng kỳ.

1.3. Sản xuất thủy sản

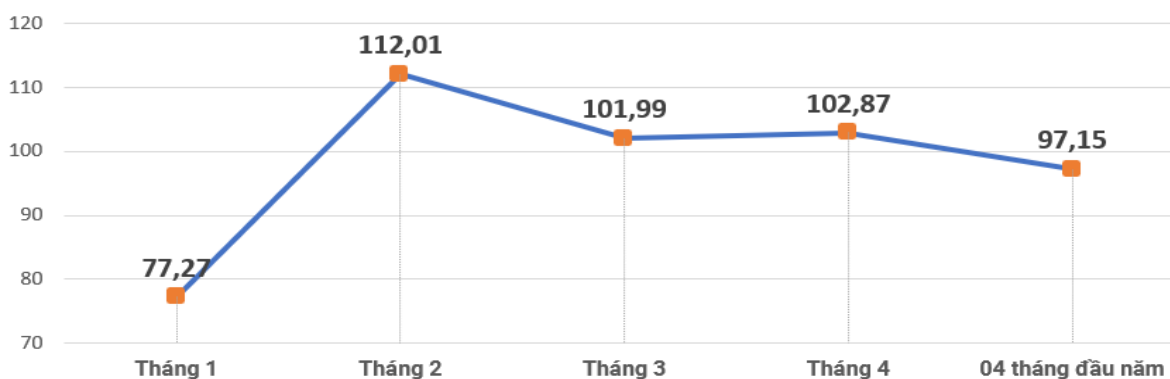
Tổng sản lượng thủy sản trong tháng 4/2023 ước đạt 1.916,9 tấn, tăng 3,02% so với cùng kỳ; trong đó, sản lượng khai thác nội địa ước đạt 112,8 tấn, tăng 0,49%; sản lượng nuôi trồng ước đạt 1.804,1 tấn, tăng 3,19%.

Tính chung 4 tháng đầu năm, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 7.650,9 tấn, tăng 2,64%; trong đó, sản lượng khai thác nội địa ước đạt 580,3 tấn, tăng 0,76%; sản lượng nuôi trồng ước đạt 7.070,6 tấn, tăng 2,85% so với cùng kỳ.

2. Sản xuất công nghiệp

Tháng 4/2023, tình hình kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm dệt may, giày da, linh kiện điện tử... tại một số thị trường lớn như Mỹ, EU suy giảm; sức mua trong nước ở mức thấp; sản xuất của các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo còn khó khăn do tình trạng thiếu hụt đơn hàng chưa được cải thiện. Trong bối cảnh đó, ngành công nghiệp của Vĩnh Phúc cũng chịu ảnh hưởng lớn do các sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh chủ yếu ở khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và phụ thuộc nhiều vào chuỗi sản xuất/cung ứng toàn cầu. Sản xuất công nghiệp tuy có khởi sắc hơn so với tháng trước nhưng vẫn gặp khó khăn, nhất là ở một số ngành có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm cho nhiều lao động như sản xuất trang phục, linh kiện điện tử, ô tô, xe máy... Tính chung 04 tháng đầu năm 2023, Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước giảm 2,85% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số sản xuất công nghiệp các tháng năm 2023 so với cùng kỳ (%)



Tháng 4/2023, ước tính chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tăng 7,04% so với tháng trước và tăng 2,87% so với cùng kỳ. So với cùng kỳ, ngành Khai khoáng giảm 15,76%; ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,90%; ngành Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 1,57%; ngành Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,17%.

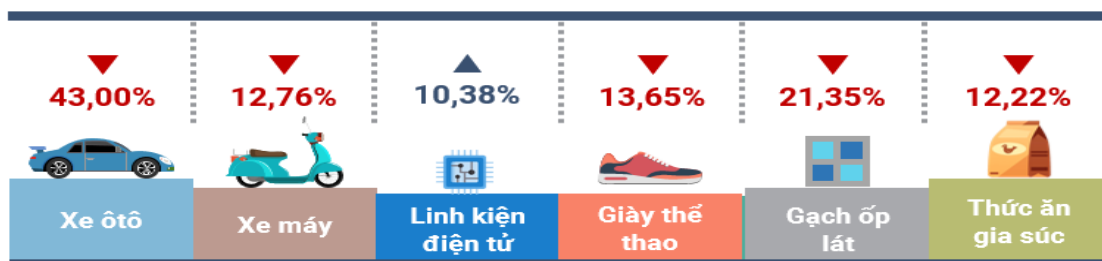
Trong các ngành công nghiệp cấp II, có 14/24 ngành có IIP tăng so với tháng trước, 13/24 ngành có IIP tăng so với cùng kỳ cho thấy tín hiệu tích cực hơn sau 3 tháng đầu năm gặp khó khăn. Đặc biệt, ngành sản xuất linh kiện điện tử đã bắt đầu lấy lại đà tăng trưởng với chỉ số sản xuất ước tăng 11,72% so với tháng trước và tăng 22,23% so với cùng kỳ. Một số ngành đạt mức tăng khá như: ngành sản xuất kim loại đúc sẵn tăng 12,0% và 15,84%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu 1,39% và 12,88%; sản xuất

da tăng 9,45% và 2,64%... Tuy nhiên, hai ngành chủ lực của tỉnh là sản xuất ô tô và xe máy vẫn ghi nhận IIP giảm so với tháng trước và cùng kỳ. Ngành sản xuất ô tô vẫn gặp nhiều khó khăn từ đầu năm do cầu thị trường giảm, đồng thời phải cạnh tranh gay gắt với xe nhập ngoại khi không còn chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 103/2021/NĐ-CP, chỉ số tiêu thụ của các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn bình quân 4 tháng đầu năm chỉ ở mức 57,04% so với cùng kỳ, các doanh nghiệp ngành sản xuất ô tô tiếp tục cắt giảm sản lượng sản xuất trong tháng, chỉ số IIP tháng 4 giảm 13,2% so tháng trước và giảm 52,66% so với cùng kỳ. Ngành sản xuất xe máy khả quan hơn khi chỉ số tiêu thụ trong tháng đạt mức tăng khá, chỉ số tồn kho đã có xu hướng giảm¹, tuy nhiên trước khó khăn chung của nền kinh tế, các doanh nghiệp chưa tăng sản lượng. Chỉ số sản xuất ngành xe máy giảm 1,13% so với tháng trước và giảm 10,87% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều ngành gặp khó khăn và có chỉ số giảm như: ngành dệt giảm 18,92%; giấy và các sản phẩm từ giấy giảm 11,75%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 11,38%; sản phẩm từ cao su và plastic giảm 30,49%; thiết bị điện giảm 17,57% so với cùng kỳ.

Bốn tháng đầu năm, IIP ước giảm 2,85% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, có 10/24 ngành cấp II có chỉ số sản xuất giảm so với cùng kỳ. Một số ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh, trừ ngành sản xuất linh kiện điện tử có mức tăng 10,38%, các ngành còn lại có chỉ số giảm so với cùng kỳ năm trước: sản xuất ô tô giảm 42,60%; sản xuất xe máy giảm 13,38%; sản xuất và chế biến thực phẩm giảm 12,22%; sản xuất trang phục giảm 4,42%; sản xuất kim loại giảm 9,99%...

Sản lượng sản xuất một số sản phẩm: Tháng 4/2023, ước tính sản lượng sản xuất của một số sản phẩm như gạch ốp lát, xe ô tô các loại, xe máy các loại đều giảm so cùng kỳ; ngược chiều, sản lượng thức ăn gia súc, giày thể thao và doanh thu dịch vụ sản xuất linh kiện điện tử tăng. Cộng dồn 4 tháng đầu năm, ngoài doanh thu dịch vụ sản xuất linh kiện điện tử ghi nhận mức tăng so với cùng kỳ, các sản phẩm chủ yếu còn lại đều có mức sản lượng giảm. Cụ thể:

Sản phẩm công nghiệp chủ yếu 4 tháng đầu năm 2023



¹ So với tháng trước và so với cùng kỳ, chỉ số tiêu thụ ngành xe máy tăng 19,67% và 12,36%; chỉ số tồn kho thời điểm cuối tháng 4 là 70,37% và 46,76%

Chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tháng 04/2023 tăng 2,66% so với tháng trước và tăng 6,56% so với cùng kỳ. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ, song các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp đã nỗ lực thực hiện các giải pháp để ổn định sản xuất, tìm kiếm đơn hàng, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tăng 4,06% so với tháng trước cho thấy tín hiệu tích cực về sự phục hồi của ngành công nghiệp hoặc của nền kinh tế nói chung. Tuy nhiên, so với cùng kỳ chỉ số tiêu thụ giảm 11,92% cho thấy vẫn còn nhiều khó khăn thách thức mà ngành phải đối diện trong năm 2023. So với tháng trước, 10 ngành công nghiệp cấp II có chỉ số tiêu thụ tăng; một số ngành tăng cao là: Ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 9,02%; ngành sản xuất thiết bị điện tăng 10,50%; ngành 28 tăng 10,26%; ngành 30 tăng 19,67%...; 08 ngành còn lại có chỉ số tiêu thụ giảm, giảm mạnh nhất ở 02 ngành là sản xuất ô tô và ngành sản xuất kim loại với tỷ lệ giảm lần lượt là 24,14% và 11,33%.

Chỉ số tồn kho tháng toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Tháng 4/2023, toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có chỉ số tồn kho giảm 13,07% so với tháng trước và giảm 36,48% so với cùng kỳ cho thấy ngành công nghiệp đang có sự vận động tích cực trong việc tiêu thụ hàng hóa, do đó giảm đáng kể lượng hàng tồn kho của các doanh nghiệp. So với tháng trước, xét theo ngành công nghiệp cấp II thì 10 ngành có chỉ số tồn kho tăng, 07 ngành có chỉ số tồn kho giảm, riêng ngành Dệt có chỉ số tồn kho không thay đổi. Trong đó, một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao là: Ngành sản xuất da tăng 13,51%; ngành thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 27,79%; ngành sản phẩm từ cao su và plastic tăng 14,99%; ngành sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 25,99%; các ngành có chỉ số tồn kho giảm đáng kể là ngành sản xuất ô tô giảm 68,24%; ngành sản xuất xe máy giảm 29,63% và ngành sản xuất trang phục giảm 7,96%.

3. Đầu tư và phát triển doanh nghiệp

3.1. Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn ngân sách Nhà nước

Trong bối cảnh ngành công nghiệp gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất và kinh doanh, sức đóng góp cho nền kinh tế của khối doanh nghiệp cũng như xuất khẩu cũng bị giảm sút thì việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đang là một giải pháp quan trọng để giúp kinh tế phục hồi và phát triển. Tỉnh Vĩnh Phúc đã có những nỗ lực trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước một cách hiệu quả và bền vững do đó đã đem lại một số kết quả khả quan.

Tháng Tư, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước tính đạt 500,49 tỷ đồng, tăng 11,23% so với tháng trước và tăng 16,83% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh là 203,93 tỷ đồng, tăng 10,05% so với tháng trước và giảm 0,66% so với cùng kỳ; vốn ngân sách cấp huyện là 234,7 tỷ đồng, tăng tương ứng là 6,17% và 29,47%; vốn ngân sách cấp xã là 61,86 tỷ đồng, tăng 41,95% và 47,91%.

Lũy kế 4 tháng đầu năm, tổng vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý thực hiện ước đạt 1.748,29 tỷ đồng, tăng 10,85% so với cùng kỳ, bằng 22,74% kế hoạch vốn giao đầu năm và cũng là năm có tổng vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách do địa phương quản lý cao nhất so với cùng thời điểm kể từ năm 2020 đến nay².

3.2. Thu hút đầu tư trực tiếp

Những tháng đầu năm 2023, Vĩnh Phúc đã bám sát sự chỉ đạo của Trung ương, triển khai thực hiện nhiều nhóm giải pháp đồng bộ để nhanh chóng khắc phục các khó khăn trong bối cảnh nguồn vốn FDI toàn cầu có xu hướng suy giảm. Kết quả thu hút các dự án mới của tỉnh tuy đạt thấp hơn so với cùng kỳ, nhưng vốn đăng ký điều chỉnh tăng cao cho thấy môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh có nhiều lợi thế, giúp Vĩnh Phúc giữ chân các doanh nghiệp và tiếp tục là điểm đến đầu tư an toàn, tin cậy cho các nhà đầu tư lâu dài.

Theo số liệu Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, đến ngày 15/4/2023, tỉnh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 05 dự án DDI với tổng vốn đăng ký đạt 4.116,98 tỷ đồng, giảm 46,56% so với cùng kỳ. Cụ thể: Cấp mới cho 02 dự án với tổng vốn đăng ký là 1.609 tỷ đồng; có 03 lượt dự án tăng vốn với tổng vốn tăng là 2.508 tỷ đồng. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 23 dự án FDI (với tổng vốn đăng ký đạt 259,83 triệu USD, tăng 22,60% so với cùng kỳ; tăng chủ yếu ở 15 dự án điều chỉnh vốn với tổng số đăng ký điều chỉnh đạt 152,92 triệu USD, tăng 74,88% so với cùng kỳ). Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là ngành mũi nhọn về thu hút đầu tư FDI với 23/23 dự án; trong đó ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học có 03 dự án cấp mới với tổng vốn đăng ký 36,53 triệu USD và 05 dự án đăng ký điều chỉnh vốn với tổng vốn tăng 19,92 triệu USD.

² Lũy kế tổng vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý thực hiện 4 tháng đầu năm: Năm 2020: 1.418,78 tỷ đồng; năm 2021: 1.513,36 tỷ đồng; năm 2022: 1.577,11 tỷ đồng; năm 2023: 1.748,29 tỷ đồng.

3.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tính đến ngày 15/4/2023, toàn tỉnh có 492 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 9.085 tỷ đồng, tăng 14,42% về số doanh nghiệp, tăng 84,16% về vốn đăng ký so với cùng kỳ. Số lao động đăng ký là 3.176 người, tăng 23,01% so với cùng kỳ. Theo lĩnh vực hoạt động, số lượng doanh nghiệp thành lập trong kỳ tập trung ở những ngành kinh tế lớn là: Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có 169 doanh nghiệp (chiếm 34,35%) tăng 28,03%; xây dựng có 84 doanh nghiệp (chiếm 17,07%) tăng 16,67%; công nghiệp chế biến, chế tạo có 83 doanh nghiệp (chiếm 16,87%) tăng 2,47%; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ có 41 doanh nghiệp (chiếm 8,33%) tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước...

Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 149 doanh nghiệp, giảm 30,37% so với cùng kỳ, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động lên 641 doanh nghiệp (trung bình mỗi tháng có 160 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động), tập trung chủ yếu ở loại hình doanh nghiệp “công ty trách nhiệm hữu hạn” với 418 doanh nghiệp thành lập mới và 122 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động.

Cùng trong kỳ, số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tiếp tục có chiều hướng gia tăng³. Số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể trong kỳ là 505 doanh nghiệp, tăng 47,23% so với cùng kỳ, bao gồm: 469 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 47,95%; 36 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 38,46% so với cùng kỳ. Trung bình mỗi tháng có 126 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

4. Thương mại, dịch vụ

Tháng 4/2023, hoạt động thương mại, dịch vụ, vận tải trên địa bàn tỉnh tiếp tục ổn định và phát triển. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 1,18% so với tháng trước và tăng 25,35% so với cùng kỳ năm trước, trong đó đóng góp chủ yếu đến từ ngành bán lẻ hàng hóa. Tính chung 04 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 30,50% so với cùng kỳ năm trước.

³ Tính riêng từ ngày 16/3/2023 – 15/4/2023 toàn tỉnh có 43 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn và 17 doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể.

4.1. Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tháng 04/2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 6.543,3 tỷ đồng, tăng 1,18% so với tháng trước và tăng 25,35% so với cùng kỳ. Cụ thể:

Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 5.568,4 tỷ đồng, tăng 0,96% so với tháng trước và tăng 21,32% so với cùng kỳ. So với cùng kỳ, có tới 11/12 ngành hàng có doanh thu tăng, trong đó một số ngành tăng cao: Xăng dầu các loại tăng 80,86%; Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi) tăng 54,72%; Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 34,92%; Nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) tăng 27,03%; Hàng may mặc tăng 26,91%; Gỗ và vật liệu xây dựng tăng 22,34%...

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 593,8 tỷ đồng, tăng 2,88% so với tháng trước và tăng 84,65% so với cùng kỳ. Chia ra: Doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 73,4 tỷ đồng, tăng 27,47%; doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 481,6 tỷ đồng, tăng 85,5%; doanh thu dịch vụ lữ hành đạt 38,7 tỷ đồng tăng tới 785,7% (do tháng 4/2022, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên địa bàn).

Doanh thu các ngành dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt 381,1 tỷ đồng, tăng 1,81% so tháng trước và tăng 23,48% so với cùng kỳ. Một số nhóm ngành có mức tăng khá so với cùng kỳ: Nhóm ngành dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí có doanh thu ước đạt 51,0 tỷ đồng, tăng 63,31%; Nhóm ngành dịch vụ khác đạt 82,3 tỷ đồng, tăng 44,96%; Nhóm dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đạt 42,6 tỷ đồng doanh thu, tăng 19,07%.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 26.417,1 tỷ đồng, tăng 30,5% so với cùng kỳ. Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 22.553,2 tỷ đồng, tăng 26,8%; doanh thu các ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành đạt 2.319 tỷ đồng, tăng 79,4%; doanh thu các ngành dịch vụ khác đạt 1.544,9 tỷ đồng, tăng 32,68%.

4.2. Vận tải hành khách và hàng hoá

Tháng 4/2023, hoạt động vận tải kho bãi duy trì sự ổn định, phục vụ tốt việc vận chuyển hàng hóa cho sản xuất, tiêu dùng và nhu cầu đi lại của nhân dân trên địa bàn. Doanh thu ước đạt 489,57 tỷ đồng, tăng 4,45% so với tháng trước và tăng 19,17% so với cùng kỳ. Tính chung 04 tháng đầu năm doanh thu vận tải đạt 1.842,9 tỷ đồng, tăng 18,57% so với cùng kỳ. Kết quả cụ thể như sau:

Vận tải hành khách: Doanh thu vận tải hành khách ước đạt 95,09 tỷ đồng, tăng 6,62% so với tháng trước và tăng 25,13% so với cùng kỳ với trên 2 triệu lượt khách

vận chuyển và trên 122 triệu lượt người.km luân chuyển. Tính chung 04 tháng đầu năm, vận tải hành khách đạt gần 7,5 triệu lượt khách, tăng 49,75% và 441,2 triệu lượt người.km luân chuyển tăng 34,75% so với cùng kỳ.

Vận tải hàng hoá: Doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 367,90 tỷ đồng, tăng 4,06% so với tháng trước và tăng 19,23% so với cùng kỳ, đạt 5,12 triệu tấn hàng hóa vận chuyển và 299,00 triệu tấn.km hàng hoá luân chuyển. Tính chung 04 tháng đầu năm, vận tải hàng hóa đạt gần 16.606 nghìn tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 25,79%; luân chuyển ước đạt 1.133.669 nghìn tấn.km, tăng 31,69% so với cùng kỳ.

4.3. Chỉ số giá

Tháng 4/2023, giá gia súc, gia cầm tiếp tục giảm do nguồn cung dồi dào; giá gas giảm theo giá nhiên liệu thế giới; giá điện sinh hoạt giảm; giá dịch vụ giáo dục mầm non giảm theo Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính Phủ là những nguyên nhân chính khiến cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trong tháng trên địa bàn tỉnh giảm 0,23% so với tháng trước. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước, CPI tăng 2,99% và tính chung 4 tháng đầu năm CPI vẫn tăng 5,06% so với cùng kỳ năm 2022.

So với tháng trước, có 04/11 nhóm có chỉ số giảm, giảm sâu nhất ở nhóm giáo dục, giảm 2,05%, tác động làm CPI chung giảm 0,13 điểm % do thực hiện Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ giữ ổn định mức thu học phí năm học 2022-2023 như năm học 2021-2022 để tiếp tục hỗ trợ cho người dân. Tiếp theo là nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 1,83%, tác động làm CPI chung giảm 0,27 điểm % do giá gas điều chỉnh giảm mạnh⁴ 14,61% so với tháng trước; nhóm may mặc, mũ nón và giày dép giảm 1,30%; nhóm bưu chính viễn thông giảm nhẹ 0,17%.

Ở chiều ngược lại, có 7/11 nhóm hàng có chỉ số giá tăng, trong đó tăng cao nhất là nhóm văn hóa, giải trí và du lịch với 2,51%, tác động làm CPI tăng 0,09 điểm phần trăm, do nhu cầu du lịch trong và ngoài nước tăng, dẫn tới giá tour, khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch tăng. Giá xăng dầu, phụ tùng và xe máy, xe đạp tăng kéo theo chỉ số nhóm giao thông tăng 0,77%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,44%; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,2% do ảnh hưởng thời tiết, rau củ sinh trưởng chậm làm cho nguồn cung giảm, dẫn tới giá rau củ tăng cao. Các nhóm hàng còn lại giá tăng nhẹ.

⁴ Giá gas điều chỉnh giảm 65.000 đồng/bình 12 kg từ ngày 01/4/2023.

Bình quân 4 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 5,06% so với cùng kỳ năm trước, tăng ở 9/11 nhóm và giảm ở 02/11 nhóm hàng. Cụ thể:

+ Nhóm giáo dục tăng 31,18%, làm CPI tăng 2,01 điểm phần trăm. Mặc dù mức thu học phí trên địa bàn đã bắt đầu được điều chỉnh giảm từ tháng 3 theo Nghị quyết số 165/NQ-CP đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên, tuy nhiên khối giáo dục chuyên nghiệp vẫn chưa thực hiện điều chỉnh về mức cũ, nên tính chung 4 tháng, chỉ số giá của nhóm giáo dục tăng cao nhất so với các nhóm còn lại;

+ Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tiếp tục là nhóm có CPI tăng cao với mức tăng 7,42%, làm CPI chung tăng 2,48 điểm phần trăm; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 6,04%, góp phần làm CPI chung tăng 0,11 điểm phần trăm.

+ Bên cạnh đó, các yếu tố làm giảm CPI trong 4 tháng đầu năm: Nhóm giao thông giảm 3,66%, chủ yếu do giá xăng dầu trong nước giảm theo biến động của giá thế giới; nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,20%, do giá điện thoại thể hệ cũ giảm, tác động là CPI giảm 0,01 điểm phần trăm.

Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ: Chỉ số giá vàng trong tháng tăng 3,18% so với tháng trước nhưng giảm 1,83% so với cùng kỳ; giá Đô la Mỹ trên thị trường tự do giảm 1,81% so với tháng trước và so với cùng tháng năm trước không có biến động. Trên thị trường tự do, giá vàng bình quân là 5.630 nghìn đồng/chỉ, giá bán bình quân Đô la Mỹ là 23.280 đồng/USD.

5. Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm

5.1. Tình hình thu, chi ngân sách Nhà nước

Hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, khiến cho nguồn thu từ nội địa và thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đều giảm mạnh so với cùng kỳ. Theo số liệu của Kho bạc Nhà nước, tính đến 15/4/2023, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 9.029,3 tỷ đồng, giảm 25,22% so với cùng kỳ và đạt 27,93% dự toán giao đầu năm. Trong đó, thu nội địa đạt 7.598,7 tỷ đồng, giảm 24,76%, giảm sâu nhất ở các khoản thu từ đất (đạt 232,9 tỷ đồng) giảm 85,77%; tiếp theo là thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (đạt 5.822 tỷ đồng), giảm 17,04%; thu Hải quan đạt 1.417,4 tỷ đồng, giảm 27,92% so với cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách nhà nước đến ngày 15/4/2023 đạt 9.492,4 tỷ đồng, tăng 11,98% so với cùng kỳ. Tình hình thực hiện vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà

nước trong kỳ cơ bản bám sát kế hoạch năm, tập trung hiệu quả cho các dự án trọng điểm và có xu hướng tăng so với cùng kỳ, chi đầu tư phát triển (bao gồm cả tạm ứng) đạt 6.194,3 tỷ đồng, tăng 13,51%, chi thường xuyên đạt 3.274,7 tỷ đồng, tăng 9,73%. Nhìn chung, công tác quản lý chi ngân sách đã được tăng cường, kiểm soát chi chặt chẽ, quản lý chi theo dự toán, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

5.2. Hoạt động ngân hàng, tín dụng

Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân giảm chi phí vốn vay, phục hồi sản xuất kinh doanh, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục điều chỉnh giảm một số mức lãi suất điều hành, qua đó các Tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn thực hiện điều chỉnh giảm lãi suất tiền gửi từ 0,2 – 0,5%/năm ở các kỳ hạn, tiết giảm chi phí hoạt động để ổn định mặt bằng lãi suất cho vay. Mức lãi suất cho vay trong tháng trên địa bàn phổ biến từ 4-11,2%/năm đối với từng kỳ hạn và đối tượng; mức lãi suất huy động bằng VNĐ phổ biến từ 0,2-8,1%/năm đối với từng kỳ hạn.

Tổng nguồn vốn huy động dự kiến đến 30/4/2023 đạt 114.500 tỷ đồng, giảm 4,49% so với cuối năm 2022. Các Ngân hàng thương mại (NHTM) nỗ lực vừa giảm lãi suất vừa đưa ra nhiều biện pháp để tăng khả năng huy động vốn nhàn rỗi, đảm bảo cân đối nguồn để đáp ứng nhu cầu cho vay nền kinh tế, từ đó kích thích được nguồn tiền gửi từ dân cư quay trở lại (ước đạt 75.800 tỷ đồng) tăng 8,60% so với cuối năm 2022, bù đắp cho sự sụt giảm từ tiền gửi của các tổ chức kinh tế do các doanh nghiệp nước ngoài thực hiện quyết toán, chuyển lợi nhuận về nước (ước đạt 37.680 tỷ đồng) tăng 4,65% so với cuối năm 2022.

Tổng dư nợ cho vay ước tính đến 31/4/2023 ước đạt 119.000 tỷ đồng, tăng 2,77% so với cuối năm 2022, chủ yếu ở các khoản vay ngắn hạn, có tính thanh khoản cao. Trong đó, dư nợ cho vay ngắn hạn ước đạt 85.400 tỷ đồng, tăng 2,8%, chiếm 71,76% tổng dư nợ; dư nợ cho vay trung và dài hạn đạt 33.600 tỷ đồng, tăng 2,71% so với cuối năm 2022, chiếm 28,24% tổng dư nợ. Phân theo đối tượng vay vốn, dư nợ khu vực hộ gia đình, tư nhân, cá thể ước đạt 70.000 tỷ đồng, chiếm 58,82% tổng dư nợ, góp phần tạo công ăn việc làm, cải thiện kinh tế hộ gia đình; khu vực doanh nghiệp ước đạt 49.000 tỷ đồng chiếm 41,18% tổng dư nợ và tăng 0,44% so với cuối năm 2022. Nợ xấu 840 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,71% trên tổng dư nợ.

Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất 2% đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo ND 31 và Thông tư 03 đến lũy kế từ đầu chương trình đến 31/3/2023 có 57 khách hàng được hỗ trợ lãi suất (HTLS) với số tiền 10.461,05 triệu

đồng, trong đó: 13 DN được HTLS 10.341,93 triệu đồng; 44 hộ kinh doanh được HTSL 119,12 triệu đồng. Tổng dư nợ cho vay được HTLS đến cuối kỳ đạt 1.746,57 tỷ đồng.

Kết quả cho vay của ngân hàng CSXH tỉnh thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội: Cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi đạt 1,52 tỷ đồng. Cho vay HSSV mua máy tính, thiết bị phục vụ học trực tuyến đạt 7,04 triệu đồng. Cho vay mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP đạt 175,19 tỷ đồng. Cho vay cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 đạt 4,97 tỷ đồng.

5.3. Bảo hiểm

Ước tính đến 30/4/2023 toàn tỉnh có 1.137.191 người tham gia đóng bảo hiểm các loại. Trong đó, tham gia BHXH có 245.253 người, chiếm 39,7% lực lượng lao động (bao gồm: BHXH bắt buộc: 227.320 người; BHXH tự nguyện: 17.933 người) tham gia BH thất nghiệp: 219.114 người, chiếm 35,5% lực lượng lao động; tham gia BHYT: 1.119.258 người, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 82,5% dân số. Tổng số tiền thu bảo hiểm các loại ước đạt 2.107,1 tỷ đồng, đạt 32,6% kế hoạch giao và tăng 15,48% so với cùng kỳ năm 2022. Công tác chi trả, nhất là trả lương hưu và trợ cấp BHXH được thực hiện đồng bộ, nhanh gọn và an toàn đến tận tay đối tượng. Trong tháng, BHXH hàng tháng cho 42 người (lũy kế 188 người); BHXH một lần cho 1.560 người (lũy kế 3.891 người); ốm đau, thai sản, dưỡng sức cho 8.754 lượt người (lũy kế 43.691 lượt người); lập danh sách chi trả cho 546 người hưởng bảo hiểm thất nghiệp (lũy kế 2.458 người).

6. Một số vấn đề xã hội

6.1. Y tế

- *Công tác phòng chống dịch bệnh:* Tháng 4/2023, tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đang có diễn biến phức tạp, số ca mắc mới trong tháng tăng so với tháng trước (tính từ ngày 16/3 đến 17/4/2023 phát sinh 201 ca, tăng 190 ca so với tháng trước) các ca mắc chủ yếu điều trị tại nhà, không có bệnh nhân nặng. Để tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, UBND tỉnh đã ra công văn số 2614/UBND-VX1 ngày 13/4/2023 gửi các Sở, ngành, địa phương về việc tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19. Theo đó, tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, kiểm soát tình hình dịch, không để dịch bùng phát trở lại trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn người dân tự giác khai báo khi mắc Covid-19, tuân thủ các

quy định về phòng chống dịch trong tình hình mới. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện điều trị Covid-19 tại nhà.

Các bệnh truyền nhiễm được ngành Y tế của tỉnh thường xuyên theo dõi và giám sát chặt chẽ, một số bệnh truyền nhiễm tăng nhẹ so với tháng trước nguyên nhân do đang trong thời điểm giao mùa. Các ca mắc đều được các cơ sở y tế thực hiện điều trị kịp thời, không để các dịch bệnh bùng phát xảy ra.

- *Tình hình an toàn vệ sinh thực phẩm (VSATTP)*: Công tác an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh cùng sự tham gia vào cuộc tích cực của các Sở, ban, ngành, địa phương UBND tỉnh đã triển khai kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 24/3/2023 về “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” tạo nên đợt cao điểm, phát động chiến dịch truyền thông về tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm; giảm thiểu các hành vi vi phạm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm; chủ động phòng ngừa ô nhiễm thực phẩm. Công tác thanh, kiểm tra được thực hiện thường xuyên, đối tượng được thanh, kiểm tra chủ yếu là các cơ sở dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Trong tháng, trên địa bàn tỉnh chưa phát hiện trường hợp ngộ độc thực phẩm.

- *Công tác phòng chống HIV/AIDS*: Tại tỉnh Vĩnh Phúc, tính đến đầu tháng 4: lũy tích có 4.965 người nhiễm HIV (trong đó số người nhiễm HIV có hộ khẩu tại tỉnh là 2.389 người), lũy tích số người chuyển AIDS là 2.391 người (trong đó có hộ khẩu tại tỉnh là 1.574 người), lũy tích số người tử vong do AIDS là 1.116 người (trong đó có hộ khẩu tại tỉnh là 912 người), số người nhiễm HIV hiện còn sống là 3.849 (trong đó có hộ khẩu tại tỉnh là 1.477 người). Số bệnh nhân đang nhận thuốc điều trị ARV là 1.122 bệnh nhân (trong đó có 23 trẻ em). 100% trẻ nhiễm HIV/AIDS được hỗ trợ đầy đủ các dịch vụ theo nhu cầu (chăm sóc sức khỏe, tâm lý, dinh dưỡng, ...) và được điều trị bằng thuốc ARV.

6.2. Giáo dục và đào tạo

Các hoạt động giáo dục và đào tạo trong 4 tháng đầu năm được tổ chức theo kế hoạch, trong đó đã tổ chức thành công kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9; tổ chức kỳ thi Hội thi giáo viên dạy giỏi các môn khoa học tự nhiên bậc Trung học phổ thông cấp tỉnh năm học 2022-2023; Tổ chức Hội nghị sơ kết học kỳ I và triển khai nhiệm vụ học kỳ II năm học 2022-2023; Tổ chức thi trình bày biện pháp Hội thi GVCN lớp giỏi THCS cấp tỉnh năm học 2022-2023. Đặc biệt, kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2022 - 2023 tỉnh Vĩnh Phúc có 79 học sinh đạt giải trên tổng số 92 học sinh tham dự, gồm 5 giải Nhất, 20 giải Nhì, 24 giải Ba và 30 giải Khuyến khích, đạt

tỷ lệ 85,87%, tăng 18,47% so với năm học trước, xếp thứ 2 cả nước về tỷ lệ học sinh đạt giải, xếp thứ 3 về số lượng giải Nhất của kỳ thi.

6.3. Văn hóa, thể thao

Công tác quản lý nhà nước lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, tuyên truyền được tăng cường, tập trung vào việc tham mưu xây dựng và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, kế hoạch hoạt động, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 29/3/2023 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Vĩnh Phúc đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững; ban hành Quy chế phối hợp trong công tác cấp phép, kiểm tra dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, quán bar trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, đặc biệt là công tác tuyên truyền kỷ niệm 60 năm Ngày Bác Hồ về thăm tỉnh Vĩnh Phúc, chào mừng kỷ niệm 48 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2023) và Ngày Quốc tế lao động 1/5; Đăng cai Tổ chức và tham gia Hội diễn Nghệ thuật quần chúng Ca khúc cách mạng năm 2023.

Các hoạt động thể dục thể thao nổi bật trong tháng: Đăng cai tổ chức giải Bóng chuyền CLB nữ Châu Á năm 2023; Trong tháng 4/2023, tỉnh đã vận động viên tham gia thi đấu Giải Vô địch cung thủ xuất sắc quốc gia năm 2023 tại Bà Rịa Vũng Tàu; tham gia thi đấu Giải Bóng chuyền Hạng A Quốc gia năm 2023; cử đoàn vận động viên tham dự giải vô địch Taekwondo học sinh, sinh viên toàn quốc lần thứ I năm 2023 tại thành phố Huế - tỉnh Thừa Thiên Huế; tổ chức phát động Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2023 tại Quảng trường Hồ Chí Minh.

6.4. Tình hình an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, thiên tai và bảo vệ môi trường

- *Tình hình an ninh trật tự:* Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh trong tháng tiếp tục được duy trì ổn định. Công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông được tăng cường, tập trung xử lý các hành vi vi phạm. Lực lượng Công an của tỉnh đã triển khai đồng bộ các phương án nghiệp vụ nhằm đối phó với các loại tội phạm thường xuyên xảy ra trên địa bàn. Từ ngày 15/3/2023 đến ngày 14/4/2023, tỉnh Vĩnh Phúc xảy ra 46 vụ vi phạm trật tự an toàn xã hội, làm chết 01 người, bị thương 09 người, thiệt hại tài sản 1.509,12 triệu đồng, đã điều tra làm rõ 42 vụ (đạt 91,3%), bắt giữ 78 đối tượng, thu hồi tài sản trị giá 1.106,23 triệu đồng.

- *Tình hình an toàn giao thông:* Công tác tuần tra, kiểm soát vẫn duy trì thường xuyên, tập trung xử lý đối với các hành vi phạm nồng độ cồn, ma túy, không chấp hành hiệu lệnh đèn tín hiệu giao thông, chở hàng quá khổ, quá tải,... Trong tháng, trên địa

bàn tỉnh đã xảy ra 02 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 02 người bị chết; số vụ tai nạn tăng 01 vụ so với tháng trước, tăng 02 người chết và số người bị thương giảm 01 người; So với lũy kế cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giảm 5 vụ, giảm 01 người chết, giảm 01 người bị thương.

- *Tình hình cháy, nổ*: Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ cháy, tính chung 4 tháng đầu năm xảy ra 8 vụ cháy, thiệt hại 2,5 triệu đồng, so với cùng kỳ tăng 5 vụ cháy nhưng giảm mạnh về giá trị thiệt hại.

- *Công tác bảo vệ môi trường*: Trong tháng, trên địa bàn tỉnh phát hiện 28 vụ VPMT; số vụ đã xử lý là 28 vụ với số tiền xử phạt là 154,4 triệu đồng. So với tháng trước, số vụ VPMT giảm 7 vụ; số vụ đã xử lý giảm 7 vụ; số tiền xử phạt giảm 244,3 triệu đồng. Lũy kế 04 tháng đầu năm là phát hiện 84 vụ, xử phạt 84 vụ, số tiền xử phạt là 1.305,89 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước số vụ VPMT giảm 72 vụ, số vụ đã xử lý giảm 48 vụ và số tiền xử phạt giảm 121,9 triệu đồng./.

Nơi nhận :

- Vụ TH-TCTK
- Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh;
- Một số Sở, ngành của tỉnh;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Phong